

Số: /2024/NQ-HĐND

Lạng Sơn, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Về một số chính sách khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn
trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2024-2030

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN KHÓA ..., KỲ HỌP ...

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số /2024/NĐ-CP ngày tháng năm 2024 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh về một số chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế-Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số chính sách khuyến khích doanh nghiệp

đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2024-2030.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Nghị quyết này áp dụng đối với Doanh nghiệp được thành lập, đăng ký, hoạt động theo pháp luật về doanh nghiệp, Hợp tác xã, liên hiệp Hợp tác xã, nông dân, tổ hợp tác, cá nhân đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (sau đây gọi chung là Nhà đầu tư).

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện Chính sách hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết này.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

1. Nhà đầu tư triển khai thực hiện dự án phải đáp ứng điều kiện hỗ trợ đầu tư; không vi phạm pháp luật về đầu tư, đất đai, xây dựng, thuế, môi trường và các quy định pháp luật khác; thực hiện thủ tục đề nghị được hưởng hỗ trợ đầu tư.

2. Đối với nội dung hỗ trợ tại Điều 5 của Nghị quyết này: trường hợp nhà đầu tư trong thời gian được hưởng hỗ trợ lãi suất, nhưng không thực hiện đúng mục đích nguồn vốn vay được hỗ trợ lãi suất thì không được tiếp tục hỗ trợ lãi suất tín dụng và phải có trách nhiệm bồi hoàn khoản hỗ trợ lãi suất tín dụng cho phần vốn đã vay nhưng sử dụng không đúng mục đích.

3. Đối với các nội dung hỗ trợ tại Điều 6,7,8,9 của Nghị quyết này

- Áp dụng cho các doanh nghiệp được thành lập và đăng ký hoạt động trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, có dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư. Đồng thời đã đưa dự án vào hoạt động sản xuất kinh doanh trong vòng 01 năm tính đến thời điểm đề nghị nhận hỗ trợ;

- Doanh nghiệp chủ động bố trí vốn và huy động các nguồn vốn hợp pháp để thực hiện dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; tổ chức, thực hiện dự án đảm bảo tuân thủ theo quy định pháp luật về xây dựng, pháp luật về môi trường và các quy định pháp luật liên quan;

- Nhà nước thanh toán hỗ trợ sau khi công trình, hạng mục công trình hoàn thành và dự án đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh và được nghiệm thu;

- Chi phí xây dựng, chi phí mua sắm thiết bị công trình và thiết bị công nghệ được tính toán theo quy định quản lý chi phí đầu tư xây dựng của pháp luật về xây dựng là cơ sở để xem xét hỗ trợ từ ngân sách nhà nước;

- Công trình, hạng mục công trình của dự án hình thành sau đầu tư không là tài sản công và do doanh nghiệp sở hữu, quản lý và sử dụng.

4. Ưu tiên hỗ trợ theo thứ tự như sau:

a) Dự án áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn, dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án có sản phẩm, dịch vụ thân thiện môi trường, dự án sản xuất nông nghiệp hữu cơ, dự án liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và

dự án gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh khu vực biên giới, biên, đảo.

b) Doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp có sử dụng lao động là người khuyết tật, doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ và doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động nữ.

c) Các nhà đầu tư nhỏ lẻ thực hiện các dự án đầu tư trong nông nghiệp.

5. Trường hợp cùng một thời điểm, dự án thuộc đối tượng thụ hưởng của nhiều chính sách ưu đãi, hỗ trợ khác nhau (kể cả từ các chương trình, dự án khác), nhà đầu tư được lựa chọn áp dụng chính sách ưu đãi, hỗ trợ có lợi nhất.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

1. Dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn là dự án thuộc ngành, nghề quy định tại khoản 2 Điều này thực hiện tại vùng nông thôn.

2. Ngành, nghề được hỗ trợ đầu tư tại Nghị quyết này thuộc mục A.II, B.II và khoản 3, 4 mục B.IV của Phụ lục II Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư ban hành kèm theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

3. Vùng nông thôn là khu vực địa giới hành chính không bao gồm địa bàn phường thuộc thành phố.

4. Nông sản bao gồm sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và muối được quy định tại Quyết định số 43/2018/QĐ-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam.

5. Chi phí đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật (Điều 6,7,8,9) được Nhà nước hỗ trợ tại Nghị quyết này bao gồm: Chi phí xây dựng, chi phí mua sắm thiết bị công trình và thiết bị công nghệ (gồm cả dây chuyền sản xuất) của dự án, vùng nguyên liệu nông sản phục vụ cho dự án.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Hỗ trợ lãi suất tín dụng

1. Nhà đầu tư được hỗ trợ khi đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

a) Nhà đầu tư vay vốn ngân hàng thương mại để thực hiện dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

b) Hỗ trợ đối với các khoản vay để thực hiện nội dung đầu tư liên quan trực tiếp đến nông nghiệp (không áp dụng mua ô tô, máy móc, dây chuyền sản xuất phục vụ của dự án nông nghiệp), có hạn mức vốn vay ngân hàng từ 1.000 triệu đồng trở lên.

2. Nhà đầu tư được ngân sách nhà nước hỗ trợ như sau:

a) Hỗ trợ một phần lãi suất vay bằng tiền tương đương 4%/năm trên các khoản vay mà nhà đầu tư đã trả lãi cho ngân hàng. Thời hạn vay được hỗ trợ lãi suất tối đa là 05 năm, kể từ ngày ngân hàng thương mại giải ngân vốn vay;

b) Mức hỗ trợ phần lãi suất vay nêu tại điểm a khoản này cho mỗi dự án tối đa là 05 tỷ đồng;

c) Chi hỗ trợ đối với các khoản vay không bị quá hạn (gốc và lãi) tại thời điểm nghiệm thu hỗ trợ.

Điều 6. Hỗ trợ đầu tư chăn nuôi gia súc

1. Doanh nghiệp được hỗ trợ khi đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

a) Có dự án chăn nuôi gia súc (bò, lợn, trâu, ngựa) tại vùng nông thôn cấp thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định pháp luật về đầu tư;

b) Dự án có quy mô chăn nuôi hàng năm đáp ứng điều kiện theo thiết kế tối thiểu sau: 100 con bò trâu, ngựa thịt hoặc 50 con bò sữa, bò giống hoặc 500 con lợn thịt hoặc 200 con lợn giống.

Trường hợp chăn nuôi kết hợp từ hai loại trở lên quy định tại điểm này, quy mô tối thiểu mỗi loại bằng 50% quy mô nêu trên.

2. Ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 30% chi phí đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật của dự án nhưng không quá 05 tỷ đồng/dự án.

Điều 7. Hỗ trợ đầu tư cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm

1. Doanh nghiệp được hỗ trợ khi đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

a) Có dự án đầu tư cơ sở giết mổ gia súc hoặc gia cầm tập trung tại vùng nông thôn được cấp thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định pháp luật về đầu tư;

b) Công suất giết mổ một ngày đêm của dự án theo thiết kế phải đạt tối thiểu 100 con gia súc hoặc 500 con gia cầm.

Trường hợp kết hợp hai loại quy định tại điểm này, quy mô tối thiểu mỗi loại bằng 50% quy mô nêu trên.

2. Ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 30% chi phí đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật nhưng không quá 05 tỷ đồng/dự án.

Điều 8. Hỗ trợ đầu tư cơ sở chế biến, bảo quản nông sản

1. Doanh nghiệp được hỗ trợ khi đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

a) Có dự án đầu tư cơ sở chế biến, bảo quản nông sản tại vùng nông thôn được cấp thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định pháp luật về đầu tư;

b) Tổng mức đầu tư của dự án từ 60 tỷ đồng trở lên.

2. Ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 30% chi phí đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật nhưng không quá 05 tỷ đồng/dự án.

Điều 9. Hỗ trợ hình thành vùng nguyên liệu

1. Doanh nghiệp được hỗ trợ khi đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

a) Có dự án đầu tư cơ sở chế biến, bảo quản nông sản tại vùng nông thôn được cấp thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định pháp luật về đầu tư;

b) Doanh nghiệp có quyền sử dụng đất hoặc thuê quyền sử dụng, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân theo quy định của pháp luật về đất đai để hình thành vùng nguyên liệu nông sản phục vụ cho dự án quy định tại điểm a khoản này;

c) Vùng nguyên liệu nông sản đề nghị hỗ trợ có tổng diện tích từ 10 ha trở lên.

2. Ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 70 triệu đồng/ha đối với chi phí đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật trong vùng nguyên liệu nông sản nhưng không quá 05 tỷ đồng/dự án.

Điều 10. Hỗ trợ phát triển thương hiệu, mở rộng thị trường

1. Hỗ trợ một lần 100% kinh phí để xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, nhưng tối đa không quá 20 triệu đồng/tổ chức, cá nhân.

2. Hỗ trợ một lần 100% kinh phí xây dựng nhãn hiệu sản phẩm; nhãn hiệu sản phẩm được đăng ký bảo hộ tại Cục sở hữu trí tuệ; cơ sở được công nhận nhãn hiệu, nhưng không quá 100 triệu đồng/cơ sở .

3. Hỗ trợ một lần 100% kinh phí thực hiện chứng nhận sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP và GlobalGAP, Organic, hỗ trợ xây dựng gắn mã số vùng trồng, nhưng không quá 25 triệu đồng/mô hình.

4. Hỗ trợ 100% kinh phí, nhưng không quá 30 triệu đồng/sản phẩm để tổ chức các hoạt động tuyên truyền, quảng bá sản phẩm nông sản trên phương tiện thông tin đại chúng.

5. Hỗ trợ 50% kinh phí tham gia triển lãm hội chợ trong nước, ngoài nước được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhưng không quá 50 triệu đồng/tổ chức, cá nhân/01 năm.

6. Hỗ trợ 100% kinh phí, trong vòng 02 năm, nhưng không quá 50 triệu đồng/tổ chức, cá nhân để thuê địa điểm bán sản phẩm trong nước áp dụng quy trình sản xuất nông nghiệp tốt hoặc áp dụng các tiêu chuẩn tương tự, nông nghiệp hữu cơ.

Điều 11. Hỗ trợ thành lập mới và đưa trí thức trẻ về làm việc tại Hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp

1. Hợp tác xã nông nghiệp thành lập mới được hỗ trợ 20 triệu đồng để xây dựng điều lệ, phương án sản xuất kinh doanh, hồ sơ thành lập tổ chức hoạt động của Hợp tác xã và các hoạt động khác.

2. Hỗ trợ đưa trí thức trẻ về làm việc có thời hạn tại hợp tác xã

a) Mỗi hợp tác xã được hỗ trợ 01 (một) lần kinh phí để thuê lao động là trí thức trẻ có trình độ đào tạo từ cao đẳng trở lên về làm việc tại hợp tác xã; mức hỗ trợ hằng tháng bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng/người tại địa bàn trí thức trẻ làm việc; số lượng tối đa 02 lao động/01 hợp tác xã; thời gian hỗ trợ tối đa 03 năm.

b) Điều kiện hỗ trợ

- Hợp tác xã hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 2012; hàng năm được cơ quan có thẩm quyền đánh giá duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh thường xuyên.

- Lao động tuyển dụng theo Điểm a, Khoản 2, Điều này có trình độ cao đẳng trở lên, chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực hoạt động và nhu cầu tuyển dụng của Hợp tác xã; có hợp đồng lao động theo quy định của Bộ Luật Lao động.

Điều 12. Hỗ trợ đầu tư các dự án đầu tư phát triển sản phẩm theo Đề án Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) tỉnh Lạng Sơn

1. Các chủ thể có sản phẩm OCOP thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn được hưởng hỗ trợ phát triển thương hiệu, mở rộng thị trường theo quy định tại Nghị quyết này.

2. Thưởng cho các chủ thể tham gia Chương trình OCOP có sản phẩm được đánh giá, phân hạng sản phẩm:

- a) Sản phẩm đạt hạng 5 sao: thưởng 20 triệu đồng/sản phẩm.
- b) Sản phẩm đạt hạng 4 sao: thưởng 10 triệu đồng/sản phẩm.
- c) Sản phẩm đạt hạng 3 sao: thưởng 05 triệu đồng/sản phẩm.

Điều 13. Quy trình và nguồn vốn hỗ trợ đầu tư

1. Quy trình hỗ trợ:

a) Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn được tổng hợp vào kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm. Trình tự lập, thẩm định, phê duyệt và giao vốn đầu tư công đối với nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

b) Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp và trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định tổng mức vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước đối với nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

2. Nguồn vốn hỗ trợ: Ngân sách tỉnh (nguồn vốn đầu tư công, tăng thu ngân sách) và nguồn vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình mục tiêu do tỉnh quản lý để thực hiện chính sách.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Điều khoản chuyển tiếp

Dự án được phê duyệt hỗ trợ và đang được hưởng hỗ trợ đầu tư theo quy định tại Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của HĐND về chính sách đặc thù khuyến khích đầu tư, phát triển hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020-2025 và Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh sửa đổi bổ sung Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND trên địa bàn tỉnh thì tiếp tục được hỗ trợ cho đến khi hết thời gian hỗ trợ được phê duyệt.

Điều 15. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của HĐND về chính sách đặc thù khuyến khích đầu tư, phát triển hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020-2025 và Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh sửa đổi bổ sung Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND trên địa bàn tỉnh.

2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể nội dung đánh giá sự phù hợp của dự án được hỗ trợ với quy hoạch, định hướng phát triển kinh tế xã hội của tỉnh; nội dung đánh giá việc Nhà đầu tư chấp hành các quy định về đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường; trình tự, thủ tục hỗ trợ; công tác kiểm tra, giám sát định kỳ và các nội dung có liên quan khác để cụ thể các nội dung của Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn khóa , kỳ họp thông qua ngày và có hiệu lực từ ngày ./.

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: KH&ĐT, Tài chính, NN&PTNT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- C, PCVP, CV VP HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Báo Lạng Sơn; Công báo tỉnh, Công thông tin điện tử tỉnh Lạng Sơn;
- Lưu: VT, HSKH.

Đoàn Thị Hậu

